TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27/11/2018
V/v: "Ly hôn giữa chị Th với anh Ng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Giáp Hồng Thanh;
Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2018/TLST - HNGĐ ngày 26/9/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2018/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1993 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn T1, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn T1, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/9/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Th trình bày:

Chị và anh Ng kết hôn ngày 05/7/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T. Sau khi kết hôn, chị và anh Ng về chung sống với nhau ngay và ở cùng gia đình nhà chồng vài tháng, sau đó anh chị đi làm ăn ở Bắc Ninh và thuê nhà sinh sống ở đó, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ng ham

chơi không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng to tiếng, cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Ng.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 02 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 11/8/2012 và Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 03/5/2015. Chị nhận nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi chung với mức 1.000.000 đồng/01con/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi. Ngày 10/11/2018 và tại phiên tòa hôm nay chị Th rút yêu cầu giải quyết con chung, để vợ chồng tự thỏa thuận và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Th có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên

* Tại bản tự khai ngày 26/9/2018 anh Nguyễn Văn Ng trình bày: anh đồng ý với trình bày của chị Th về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân và con chung, nay anh không đồng ý ly hôn với chị Th, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy các con.

Nếu phải ly hôn: Về con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn Ng vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Th chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh Nguyễn Văn Ng không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng.

Án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương Th kết hôn với anh Nguyễn Văn Ng ngày 05/7/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị Th và anh Ng về chung sống với nhau ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ng ham chơi không quan tâm đến vợ con. Tháng 3/2018, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin ®uîc ly h«n với anh Ng. Anh Ng cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2018. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án thì gia đình và đoàn thể ở địa phương đều xác định vợ chồng chị Th, anh Ng có xảy ra mâu thuẫn, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2018. Xét thấy, cuộc sống chung của chị Th và anh Ng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Th được ly hôn với anh Ng là phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: chị Th, anh Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đăt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị Phương Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Ng.

2. Án phí: chị Nguyễn Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp

theo biên lai số AA/2017/0002182 ngày 26/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Nguyễn Thị Phương Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy